

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VŨ CHÍ DŨNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 25/3/1970; Nam ☒ Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Thôn Phúc Lâm thượng, xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. BS. Vũ Chí Dũng

Bệnh viện Nhi Trung ương, Số 18, Ngõ 879, Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Khoa Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền, Tầng 11, Nhà 15 tầng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904242010 ;

E-mail: dungvu@nch.gov.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 6/1997 đến 5/1998: Bác sỹ hợp đồng, khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Từ 6/1998 đến 10/2001: Bác sỹ điều trị, khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Từ 11/2001 đến 10/2002: Bác sỹ nội trú tại Bệnh viện Nhi St.Antoine, Lille, Cộng hòa Pháp;

- Từ 11/2002 đến 4/2005: Bác sỹ điều trị, khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Từ 5/2005 đến 9/2006: Phó Trưởng khoa, khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 10/2006 đến 6/2009: Visiting Scientist tại Viện Nghiên cứu Nhi khoa, Khoa Nhi, Trường đại học Y, Đại học tổng hợp St. Louis, MO, Hoa Kỳ;
- Từ 8/2009 đến 12/2009: Phó Trưởng khoa, khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Từ 1/2010 đến 12/2010: Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Từ 1/2010 đến 12/2014: Kiêm phó trưởng phòng nghiên cứu lâm sàng, Viện nghiên cứu sức khỏe trẻ em, Bệnh viện Nhi Trung Ương;
- Từ 1/2011 đến nay: Trưởng khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung Ương;
- Từ 1/2018 đến nay: Kiêm Giám đốc Trung tâm Sàng lọc sơ sinh và quản lý bệnh hiếm, Bệnh viện Nhi Trung ương ;
- Từ 5/2021 đến nay : Kiêm Phó trưởng bộ môn Nhi khoa, Khoa Y học lâm sàng, Trường Đại học Y tế công cộng.

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền, Kiêm Giám đốc Trung tâm Sàng lọc sơ sinh và quản lý bệnh hiếm, Bệnh viện Nhi Trung ương.

Kiểm nhiệm Phó trưởng bộ môn Nhi khoa, Khoa Y học lâm sàng, Trường Đại học Y tế công cộng.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa, khoa Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền, Bệnh viện Nhi Trung ương.

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Nhi Trung ương

Địa chỉ cơ quan: Bệnh viện Nhi Trung ương

Số 18, Ngõ 879, Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 6274 7643

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y Hà Nội; Trường Đại học Y dược - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Y dược Hải Phòng ; Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội; Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Y dược Hải Phòng ; Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 09 năm 1992; số văn bằng: 12690; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sĩ chuyên khoa sơ bộ Nhi; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 07 tháng 11 năm 1997; số văn bằng: 4402; ngành: Y học, chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng Thạc sỹ (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 27 tháng 10 năm 2017; số văn bằng: 007145; ngành: Y học, chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng Tiến sỹ (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các bệnh di truyền và bất thường bẩm sinh hiếm và chưa có chẩn đoán, các bệnh nội tiết nhi khoa: Cơ sở phân tử, ứng dụng các kỹ thuật di truyền phân tử hiện đại như giải trình tự gen thế hệ mới (nhóm gen chủ đích, toàn bộ vùng gen biểu hiện, toàn bộ hệ gen) và hóa sinh hiện đại trong sàng lọc và chẩn đoán; điều trị, kết quả điều trị và chất lượng sống của các bệnh nhân;

- Ứng dụng các liệu pháp phân tử gồm enzyme thay thế, gen trị liệu và đánh giá hiệu quả đối với một số bệnh di truyền hiếm gặp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 08 (hướng dẫn chính 03; hướng dẫn phụ 05) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 15 đề tài bao gồm cấp cơ sở, cấp bộ, cấp nhà nước, nghị định thư, NOFOSTED (chủ nhiệm, thành viên chủ chốt và thành viên);

- Đã công bố (số lượng) 225 bài báo khoa học, trong đó có 52 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (tác giả chính và đồng tác giả);

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 05 sách tiếng Việt (đồng chủ biên 01 cuốn sách chuyên khảo; tham gia biên soạn 02 cuốn sách bài giảng và giáo trình ; 2 sách tham khảo dùng cho đào tạo sau đại học), trong đó 05 sách xuất bản thuộc nhà xuất bản có uy tín; đồng tác giả của 4 chương sách và guideline của các hiệp hội khoa học quốc tế xuất bản trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu thầy thuốc ưu tú theo quyết định 2045/QĐ-CTN ngày 17/11/2020. Vào sổ vàng số 1471;

- Kỷ niệm chương Vì sức khỏe nhân dân năm 2019;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân năm 2017;

- Chiến sĩ thi đua cấp bộ 3 lần vào các năm: 2013; 2016 và 2020;

- Bằng khen Bộ trưởng Bộ y tế: 06 lần vào các năm 2012; 2014; 2016 (2 lần) và 2019 (2 lần);

- Liên tục là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 11 năm từ 2010-2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên và học viên.

- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc và vì sự phát triển bền vững Bệnh viện Nhi Trung ương cũng như của Bộ môn Nhi và Y sinh học Di truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị.

- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên và đồng nghiệp.

- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.

- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp và lên lớp đúng giờ.

- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều sinh viên giỏi. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 06 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					72	128	200/172/170
2	2016-2017					72	157,5	229,5/226,25/170
3	2017-2018						374	374/223/170
03 năm học cuối								
4	2018-2019			05		40	375	415/461/135
5	2019-2020			01		40	429	469/310,5/135
6	2020-2021			02		23	409	432/261,3/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước () - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước:năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: giảng dạy bằng tiếng Anh cho các bác sỹ Nhi khoa tham gia chương trình đào tạo từ xa của Trường lâm sàng Westmead (Westmead Clinical School) để nhận chứng chỉ International Postgraduate Pediatric Certificate (IPPC) nay đổi thành chương trình đào tạo Sydney Children Health Program (SCHP) liên tục từ 2010 đến nay.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Bệnh viện Nhi Trung ương phối hợp với Trường Đại học Y Sydney (Sydney Medical School), nay là Trường Đại học Y và Sức khỏe (Faculty of Medicine and Health), Bộ môn sức khỏe trẻ em và vị thành niên (Discipline of Child & Adolescent Health) thuộc Đại học tổng hợp Sydney, Úc (University of Sydney).

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Trong thời gian làm visiting scientist tại Trường Đại học Y, Đại học tổng hợp St. Louis. MO. Hoa Kỳ từ tháng 10/2006 đến tháng 6/2009 có tham gia hướng dẫn thực hành bằng tiếng Anh cho các sinh viên Y khoa của trường (summer school).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Chứng chỉ Anh văn B2 số: TA-B2/000444; ngày cấp: 27/01/2016; Nơi cấp: Trường Đại học Vinh;

Chứng chỉ Anh văn trình độ C số: 217136; ngày cấp: 08/7/2010; Nơi cấp: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Hà Thị Chinh		x	x		2018-2019	Trường ĐHYHN	16/12/2019
2	Bùi Vũ Anh		x	x		2018-2019	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	03/01/2020
3	Nguyễn Quỳnh Anh		x	x		2018-2019	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	03/01/2020
4	Trịnh Thị Phương Dung		x		x	2018-2019	Trường ĐHYHN	16/12/2019
5	Đặng Đình Quang		x		x	2018-2019	Trường ĐHYHN	16/12/2019
6	Nguyễn Thị Hằng		x		x	2018-2020	Trường ĐHYHN	16/12/2019
7	Trần Quang Thanh		x		x	2019-2021	Trường ĐHYHN	21/01/2021
8	Hoàng Xuân Đại		x		x	2019-2021	Trường ĐHYHN	21/01/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ						
1	Bài giảng chuyên khoa định hướng nhi	GT	Nhà xuất bản y học, năm 2012	42	PGS.TS. Lê Thanh Hải, TS. Trần Minh Điền	Viết từ trang 494-505	Trường Đại học Y Hà Nội. Số 2140/QĐ- ĐHYHN. Ngày 26/7/2012
2	Cấp cứu nhi khoa nâng cao	TK	Nhà xuất bản Y học, năm 2017	21	GS.TS. Lê Thanh Hải	Viết từ trang 146-173	Trường Đại học Y dược Hải Phòng. Số 808/QĐ-YDHP
3	ISPAD Clinical practice consensus guidelines 2014	TK	Wiley Blackwell, Năm 2014	08	Carlo Acerini et al	Đồng tác giả chương sách từ trang 47 đến trang 64 (15 Suppl 20:47-64)	Hội đại tháo đường nhi khoa và vị thành niên quốc tế. Xuất bản tại Pediatr Diabetes

							ISSN: 1399543X, 13995448 IF: 3,144 (2014) Q1, SCIE
4	Human variome project country nodes: Documenting genetic information within a country	TK	Wiley, Năm 2012	38	George P. Patrinos	Đồng tác giả từ trang 1513 đến trang 1519 [33(11)]	Hội các biến thể hệ gen người, xuất bản tại Hum Mutat ISSN: 10981004, 10597794 IF: 6,022 (2012); Q1, SCIE
II Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
5	Tăng sản thượng thận bẩm sinh do thiếu 21-hydroxylase	CK	Nhà xuất bản Y học, Năm 2021	03	PGS.TS. Trần Văn Khánh; TS. Vũ Chí Dũng	Viết (đồng tác giả) từ trang 3-219	Trường Đại học Y Hà Nội. Quyết định số 2992/QĐ-ĐHYHN ngày 19/7/2021
6	Giáo trình nhi khoa sau đại học	GT	Nhà xuất bản Y học, Năm 2020	28	GS.TS. Lê Thanh Hải PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Viết từ trang 215-259; 268-273	Trường Đại học Y dược Hải Phòng. Số 616A/QĐ-YDHP
7	CAH Screening—Challenges and Opportunities	TK	MDPI, Năm 2021	13	Natasha Heather and Anna Nordenström	Đồng tác giả chương sách từ trang 43-73 [6(4):76]	Xuất bản tại Int J Neonatal Screen ISSN: 2409-515X Q1, IF: 1,145 ESCI, SCOPUS
8	Bệnh Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền	TK	Nhà xuất bản Y học, năm 2019	13	Nguyễn Thu Nhân, Nguyễn Thị Phụng	Viết từ trang 289-300	
9	ISPAD Clinical practice consensus guidelines 2018	TK	Wiley Blackwell, Năm 2018	12	David M. Maahs and Mark Sperling	Đồng tác giả chương sách từ trang 47 đến trang 63 (19 Suppl 27;47-63)	Hội đại tháo đường nhi khoa và vị thành niên quốc tế. Xuất bản tại Pediatr Diabetes ISSN: 1399543X, 13995448 IF: 3,347 (2018); Q1, SCIE

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: ứng viên là đồng chủ biên 01 sách chuyên khảo: **Tăng sản thượng thận bẩm sinh do thiếu 21-hydroxylase [7].**

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận Tiến sĩ					
1	Nghiên cứu đặc điểm các thể lâm sàng, tổn thương MRI sọ não và kiểu gen của các bệnh nhân loạn dưỡng não chất trắng thượng thận (X-ALD)	CN	Cấp cơ sở	2012-2013	10/7/2014 Xuất sắc
2	Nghiên cứu kết quả điều trị bệnh nhân cường insulin bẩm sinh và đái đường sơ sinh do đột biến gen mã hóa kênh K-ATP	CN	Cấp cơ sở	2012-2013	10/7/2014 Xuất sắc
3	“Nghiên cứu điều tra, khảo sát nhu cầu ghép tụy của bệnh nhân trẻ em có chỉ định ghép tụy tại Bệnh viện Nhi Trung ương” là đề tài nhánh của đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu một số vấn đề về ghép tụy trên thực nghiệm để tiến tới ghép tụy trên người ở Việt Nam	CN đề tài nhánh	KC10.03/11-15 Cấp nhà nước	2012-2014	27/5/2014 Khá
4	“Nghiên cứu sàng lọc bệnh Pompe và bệnh Gaucher ở bệnh nhân gan to, lách to, phì đại cơ tim chưa rõ nguyên nhân tại Việt Nam”, thuộc đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước “Nghiên cứu sàng lọc một số bệnh tích đọng các chất trong lysosome ở bệnh nhân gan	Đồng CN đề tài nhánh	29/2013/HĐ-NĐT Cấp nhà nước	1/2013-6/2016	08/11/2016 Mức B

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	to, lách to, phì đại cơ tim chưa rõ nguyên nhân ở Việt Nam				
5	Nghiên cứu áp dụng quy trình kỹ thuật phục vụ sàng lọc và chẩn đoán trước sinh bệnh thoái hóa cơ tủy	Thành viên	Cấp bộ	2009-2011	04/5/2011/ Xuất sắc
6	Nghiên cứu quy trình phát hiện người mang gen bệnh và chẩn đoán trước sinh bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (TSTTBS) bằng kỹ thuật sinh học phân tử	Thành viên	Cấp bộ	2011-2013	02/7/2013/ Xuất sắc
7	Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để xác định đột biến gen (<i>COL1A1</i> , <i>COL1A2</i>) gây bệnh tạo xương bất toàn (Osteogenesis Imperfecta: OI) ở trẻ em Việt Nam	Thành viên	Cấp bộ	2010-2012	02/7/2013/ Xuất sắc
8	Nghiên cứu di truyền phân tử bệnh rối loạn chuyển hóa 11-hydroxylase trong quá trình chuyển hóa steroid hormone ở người bệnh	Thành viên chủ chốt	NAFOSTED 3/305/30503	2011-2012	29/3/2013 Đạt
9	Nghiên cứu ứng dụng tế bào gốc tạo máu trong điều trị một số bệnh trẻ em	Thành viên	ĐTĐL.2010G/18 Cấp nhà nước	2010-2013	25/9/2013 Khá
10	Nghiên cứu xây dựng ngân hàng tế bào gốc tạo máu từ người hiến tặng sử dụng trong điều trị	Thành viên	ĐTĐL.2011G/55 Cấp nhà nước	2012-2014	25/10/2015 Khá
11	Nghiên cứu xây dựng quy trình điều trị gen cho bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne	Thành viên	KC.04.08/11-15 Cấp nhà nước	2012-2014	11/12/2015 Xuất sắc
12	Hợp tác nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong sàng lọc, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết nhi khoa và rối loạn chuyển hóa bẩm sinh	Thành viên chính	36/2012/HĐ-NĐT Cấp nhà nước	2012-2014	25/10/2015 Khá
13	Nghiên cứu di truyền phân tử trên bệnh nhân rối loạn quá trình tổng hợp aldosterone	Thành viên	106-YS.02-2013.20 Cấp nhà nước	2013-2015	24/2/2017 Khá
Sau khi được công nhận Tiến sĩ					
14	Nghiên cứu kiểu hình, kiểu gen và kết quả điều trị lâu dài của các bệnh nhân thiếu beta-ketothiolase	Thành viên	Cấp cơ sở	12/2017-12/2018	24/12/2018 Xuất sắc

15	Kiểu gen kiểu hình của “maple syrup urine disease”	Thành viên	Cấp cơ sở	12/2017-4/2019	09/5/2019 Xuất sắc
16	Nghiên cứu dài hạn, nhãn mở, đa trung tâm, giai đoạn IV để đánh giá thay đổi chiều cao và cân nặng theo thời gian ở bệnh nhân bị MPS II đang điều trị và đã bắt đầu điều trị Elasprase ở độ tuổi <6.	Nghiên cứu viên chính (principle investigator)	Đề tài hợp tác quốc tế, thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm SHP-ELA-401	2017-2022 Quyết định số 229/QĐ-BYT ngày 25/01/2016	Đang triển khai năm thứ 5

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
Các bài báo Quốc tế								
1	Characterization and outcome of 41 patients with beta-ketothiolase deficiency: 10 years' experience of a medical center in northern Vietnam	15	X	J Inherit Metab Dis ISSN: 01418955, 15732665	IF: 4,827 (2018); 4,982 (2020); Q1, SCIE	15	40(3):395-401	5/2017
2	Enzyme replacement therapy in newborn mucopolysaccharidosis IVA mice: early treatment rescues bone lesions?	11	X	Mol Genet Metab ISSN: 10967192, 10967206	IF: 3,751 (2015); Q1, SCIE	26	114(2):195-202	2/2015
3	Mucopolysaccharidosis IVA: Correlation between genotype, phenotype and keratan sulfate levels	10	X	Mol Genet Metab ISSN: 10967192, 10967206	IF: 3,318 (2013); 4,797 (2020); Q1, SCIE	55	110(1-2):129-38	9-10/2013
4	Cryptic genomic rearrangements in three patients with 46,XY	12	X	PLoS One ISSN: 1932-6203	IF: 2,606 (2013); Q1, SCIE	12	8(7):e68194	7/2013

	disorders of sex development							
5	Enhancement of drug delivery: enzyme-replacement therapy for murine Morquio A syndrome	09	X	Mol Ther ISSN: 15250024, 15250016	IF: 7.502 (2010); Q1, SCIE	90	18(6):1094-102	6/2010
6	The clinical features of osteogenesis imperfecta in Vietnam	12		Int Orthop ISSN: 03412695, 14325195	IF: 2,573 (2017); Q1, SCIE	21	41(1):21-29	1/2017
7	Cryptic splice activation but not exon skipping is observed in minigene assays of dystrophin c.9361+1G>A mutation identified by NGS	10		J Hum Genet ISSN: 14345161, 1435232X	IF: 2,942 (2017); Q2, SCIE	05	62:537-541	4/2017
8	Glycosaminoglycan levels in dried blood spots of patients with mucopolysaccharidoses and mucolipidoses	14		Mol Genet Metab ISSN: 10967192, 10967206	IF: 3,872 (2017); Q1, SCIE	30	120(3): 247-254	3/2017
9	Disorders of sex development: insights from targeted gene sequencing of a large international patient cohort	73		Genome Biol ISSN: 14747596	IF: 11,908 (2016); Q1, SCIE	182	17(1):243	11/2016
10	Molecular basis of non-syndromic hypospadias: systematic mutation screening and genome-wide copy-number analysis of 62 patients	22		Hum Reprod ISSN: 0268-1161, 1460-2350	IF: 4,621 (2015) 5,73 (2020); Q1, SCIE	26	30(3):499-506	3/2015
11	A novel homozygous mutation IVS6+5G>T in <i>CYP11B1</i> gene in a Vietnamese patient with 11 β -hydroxylase deficiency	07		Gene ISSN: 03781119, 18790038	IF: 2,661 (2015) Q2, SCIE	03	10;565(2):291-4	7/2015
12	Therapies for the bone in mucopolysaccharidoses	17		Mol Genet Metab ISSN: 10967192, 10967206	IF: 3,751 (2015); Q1, SCIE	82	114(2):94-109	2/2015
13	Validation of ambiguous MLPA results by targeted next-	10		Clin Chim Acta ISSN: 00098981, 18733492	IF: 3,2137 (2014); Q2, SCIE	12	436:155-9	9/2014

	generation sequencing discloses a nonsense mutation in the DMD gene							
14	Targeted next-generation sequencing reveals a homozygous nonsense mutation in <i>CAPN3</i> that causes Limb-girdle muscular dystrophy type 2A first in Vietnam	10		J Mol Biomark Diagn ISSN:2155-9929		01	5: 194	9/2014
15	Exon deletion patterns of the dystrophin gene in 82 Vietnamese Duchenne/Becker muscular dystrophy patients.	08		J Neurogenet ISSN: 0167-7063, 1563-5260	IF: 2,159 (2012-2013); Q3, SCIE	11	27(4):170-5	12/2013
16	Transient neonatal diabetes, <i>ZFP57</i> , and hypomethylation of multiple imprinted loci: a detailed follow-up	21		Diabetes Care ISSN: 01495992, 19355548	IF: 10,198 (2013); Q1, SCIE	70	36(3):505-12	3/2013
17	Novel homozygous p.Y395X mutation in the <i>CYP11B1</i> gene found in a Vietnamese patient with 11 β -hydroxylase deficiency	07		Gene ISSN: 0378-1119, 1879-0038	IF: 2,468 (2012) Q2, SCIE	12	509(2):295-7	11/2012
18	Glycemic control in children with neonatal diabetes and type 1 diabetes in Vietnam	12		Int. Health ISSN: 1876-3413, 1876-3405	5 years IF: 2,451; Q2, SCIE	4	3 (3):188-192	11/2011
19	A common mutation, R208X, identified in Vietnamese patients with mitochondrial acetoacetyl-CoA thiolase (T2) deficiency	16		Mol Genet Metab ISSN: 10967206, 10967192	IF: 3,948 (2010); Q1, SCIE	27	100(1): 37-41	5/2010
20	Dermatan sulfate and heparin sulfate as a biomarker for mucopolysaccharidosis I	15		J Inherit Metab Dis ISSN: 0141-8955, 1573-2665	IF: 3,577 (2011-2012); 4,036	63	33(2):141-50	4/2010

					(2019-2020); Q1, SCIE			
21	Validation of keratan sulfate level in mucopolysaccharidosis type IVA by liquid chromatography-tandem mass spectrometry	14		J Inherit Metab Dis ISSN: 0141-8955, 1573-2665	IF: 3,577 (2011-2012); 4,036 (2019-2020); Q1, SCIE	61	33 Suppl 3:35-42	12/2010
22	Validation of disaccharide compositions derived from dermatan sulfate and heparan sulfate in mucopolysaccharidoses and mucopolipidoses II and III by tandem mass spectrometry	13		Mol Genet Metab. ISSN: 10967206, 10967192	IF: 3,948 (2010); Q1, SCIE	71	99(2):124-131	2/2010
23	Mutations and polymorphisms in <i>GUSB</i> gene in mucopolysaccharidosis VII (Sly syndrome)	05		Hum Mutat ISSN: 10981004, 10597794	IF: 5,866; (2009) Q1, SCIE	101	30(4):511-9	4/2009
24	<i>SMN2</i> and <i>NAIP</i> gene dosages in Vietnamese patients with spinal muscular atrophy	09		Pediatr Int ISSN: 13288067, 1442200X	IF: 0,922 (2008); Q2, SCIE	30	50(3):346-51	6/2008
25	Acidic amino acid tag enhances response to enzyme replacement in mucopolysaccharidosis type VII mice	15		Mol Genet Metab. ISSN: 10967206, 10967192	IF: 2,994 (2008); Q1, SCIE	51	94:178-89	6/2008
26	Enzyme replacement therapy in a murine model of Morquio A syndrome	09		Hum Mol Genet ISSN: 14602083, 09646906	IF: 8,050 (2008); Q1, SCIE	110	17:815-824	3/2008
27	Murine model (Galns(tm(C76S)slu)) of MPS IVA with	09		Mol Genet Metab	IF: 2,830	30	91(3):251-8	7/2007

	missense mutation at the active site cysteine conserved among sulfatase proteins			ISSN: 10967206, 10967192	(2007); Q1, SCIE			
28	Characterization and pharmacokinetic study of recombinant human N-acetylgalactoseamine-6-sulfate sulfatase	13		Mol Genet Metab ISSN: 10967206, 10967192	IF: 2,830 (2007); Q1, SCIE	41	91: 69-78	5/2007
29	Clinical types, molecular genetic diagnosis & genetic-clinical correlation in patients with spinal muscular atrophy	10		Japanese journal for inherited metabolic diseases ISSN 0912-0122			20(1): 67-70	8/2004
30	Molecular diagnosis, correlation of clinical and deletion data in Duchenne muscular dystrophy	10		Japanese journal for inherited metabolic diseases ISSN 0912-0122			20(1): 51-54	8/2004
31	Deletion of the <i>SMN1</i> and <i>NAIP</i> genes in Vietnamese patients with spinal muscular atrophy	12		Kobe J. Med. Sci ISSN: 00232513, 18830498	Q2	10	49(3): 55-58	2003
Các bài báo trong nước								
32	Đặc điểm lâm sàng và hoá sinh của bệnh nhân mắc bệnh xơ niệu	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			Tập 106, Số 1, Trang 9-16	4/2017
33	Bệnh mucopolysaccharidose typ III. Báo cáo ca bệnh. Tạp chí y dược quân sự	05		Tạp chí y - dược học quân sự ISSN: 18590748			Tập 42 Số 4, Trang 227-232	4/2017
34	Bệnh tăng citrullin máu: kinh nghiệm từ năm bệnh nhi	05		Tạp chí y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			Tập 21, Số 3, Trang 32-37	2017
35	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh còi xương kháng vitamin D ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	06		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 10, Số 4, Trang 82-86	8/2017

36	Kiểu gen và kiểu hình của bệnh nhân X-linked adrenoleukodystrophy (X-ALD)	09		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 10, Số 1, Trang 75-79	2/2017
37	Ba bệnh nhân mắc tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu hụt 21-hydroxylase điều trị muộn tại Bệnh viện Việt Đức	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 457, Số 1, Trang 53-57	8/2017
38	Hai trường hợp rối loạn phát triển giới tính thể hiếm gặp được điều trị phẫu thuật tại Bệnh viện Việt Đức	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 457, Số 1, Trang 150-154	8/2017
39	Mutations in type I collagen genes resulting in osteogenesis imperfecta in Northern Vietnamese patients	05		Journal of medical research Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			105 E1 (7) – Trang: 20-26	12/2016
40	Phát hiện đột biến xóa đoạn gen <i>CYP21A2</i> gây bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	04	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			Tập 99, Số 1, Trang 8-15.	2/2016
41	Lâm sàng và tình trạng đột biến gen của một số ca bệnh Mucopolysaccharidosis typ II	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			102 (4) – Trang 10-18	12/2016
42	Phát hiện đột biến gen Dystrophin bằng các phương pháp sinh học phân tử trên bệnh nhân loạn dưỡng cơ Duchenne/Becker	09		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 9, Số 3, Trang 62-70	6/2016
43	Đái tháo đường sơ sinh tạm thời: biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị	06		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 9, Số 1, Trang 59-64	2/2016
44	Cường insulin bẩm sinh do <i>βHNF4A</i> - báo cáo ca bệnh	04		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 9, Số 1, Trang 65-69	2/2016

45	Kết quả kiểm soát glucose máu trên bệnh nhân cường insulin bẩm sinh ở trẻ em	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 446 Số 2, Trang 59-64	9/2016
46	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của 6 bệnh nhân Mucopolysaccharidosis týp VI	05		Tạp chí y - dược học quân sự ISSN: 18590748			41(8), Trang 108 - 112	10/2016
47	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và diễn biến của u vỏ thượng thận ở trẻ em	05		Tạp chí nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 20, Trang 84-88	2016
48	Ứng dụng kỹ thuật MLPA xác định đột biến gen dystrophin gây bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne/Becker	04		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			96 (4), Trang 1-7,	9/2015
49	Đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán mất đoạn nhiễm sắc thể 15q11-q13 ở các bệnh nhi mắc hội chứng Prader – Willi	07		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			96 (4), Trang 51-59	9/2015
50	Bệnh Thiếu enzym betaketothiolase (T2) tại Bệnh viện Nhi Trung ương: Kiểu hình, kiểu gen, kết quả điều trị	07		Tạp chí y - dược học quân sự ISSN: 18590748			40(2), Trang 90-95	2/2015
51	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình xác định đột biến gen smnt gây bệnh teo cơ tủy từ một tế bào bằng phương pháp nested PCR và enzyme giới hạn	05		Tạp chí y - dược học quân sự ISSN: 18590748			40(2), Trang 96-101	2/2015
52	Triệu chứng lâm sàng và hoạt độ các enzyme của một số ca bệnh Mucopolysaccharidosis	06		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 947, Trang 69-73	1/2015
53	Chẩn đoán trước sinh và sau sinh bệnh Teo cơ tủy (SMA)	11		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 8, Số 6, Trang 58-62	11/2015
54	Biến đổi di truyền ở bệnh nhân mắc hội chứng Prader-Willi tại	05		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 8, Số 6,	11/2015

	bệnh viện Nhi Trung ương						Trang 63-66	
55	Lâm sàng, cận lâm sàng và căn nguyên dậy thì sớm trung ương	07		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 8, Số 5, Trang 61-65	10/2015
56	Giá trị xét nghiệm kích thích bằng GnRH trong chẩn đoán dậy thì sớm trung ương ở trẻ gái	09		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 8, Số 5, Trang 66-71	10/2015
57	Phát triển thể chất và tinh thần của bệnh nhân thiếu beta-ketothiolase tại bệnh viện nhi trung ương trong 10 năm	07		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 8, Số 2, Trang 54-57	4/2015
58	Biến chứng mắt và thận ở bệnh nhi đái tháo đường typ 1	06		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 8, Số 1, Trang 50-53	2/2015
59	Chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi bệnh teo cơ tủy	06		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 437, Số đặc biệt, Trang 68-76	12/2015
60	Ghép tế bào gốc từ tủy xương cho bệnh nhân ly thượng bì thể loạn dưỡng di truyền lặn tại Bệnh viện Nhi Trung ương: Nhân một trường hợp	08		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 432, Số 1, Trang 107-112	7/2015
61	Biến chứng thận và kiểm soát đường máu bằng HbA1C ở bệnh nhân nhi đái tháo đường typ 1	06		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 418, Số chuyên đề, Trang 84-88	5/2014
62	Đái Tháo Đường sơ sinh: Di truyền phân tử và kết quả điều trị	06		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 945, Trang 203-207	2014
63	Mô hình các rối loạn phát triển giới tính tại bệnh viện Nhi Trung ương theo phân loại Chicago năm 2006	04		Tạp chí nhi khoa ISSN: 1859-3860			7(5) Trang 55-59	9/2014
64	Nghiên cứu triệu chứng lâm sàng, dấu ấn sinh học và hoạt độ các enzyme của một số ca	06		Tạp chí y – dược học quân sự ISSN: 18590748			39 (8), Trang 118-122	10/2014

	bệnh Mucopolysaccharidosis I và II							
65	Kết quả điều trị bệnh nhân đái đường sơ sinh do đột biến gen <i>KCNJ11</i> và <i>ABCC8</i> bằng sulfonylurea	03		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			89(4), Trang 23-30	2014
66	Di truyền phân tử, tương quan kiểu gen - kiểu hình của bệnh cường insulin bẩm sinh	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			89(4), Trang 31-37	2014
67	Nhận dạng hai đột biến điểm sai nghĩa (p.R43Q và p.A386V) trên gen <i>CYP11B1</i> trẻ em Việt Nam có biểu hiện tăng sản thượng thận bẩm sinh	06		Tạp chí công nghệ sinh học ISSN: 1811-4989			Tập 10, số 3, Trang 415-422	2012
68	Đột biến gen <i>CYP21A2</i> và mối tương quan giữa kiểu gen và kiểu hình của bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh do thiếu 21-hydroxylase	08	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			80-3C, Trang 1 – 7	7/2012
69	Một trường hợp đột biến tạo mã kết thúc trên gen <i>COL1A1</i> ở bệnh nhân tạo xương bất toàn	06		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			78(1), Trang 10-13	2/2012
70	Cường insulin bẩm sinh nặng ở trẻ sơ sinh: báo cáo ca bệnh	05		Tạp chí thông tin y dược ISSN: 0868-3891			Số 7/2012. Trang 34-37	7/2012
71	Đột biến gen <i>ABCD1</i> và kiểu hình của bệnh nhân X-ALD	09		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 132-138	9/2012
72	Đột biến các gen <i>BCKDHA</i> , <i>BCKDHB</i> , <i>DBT</i> và kiểu hình bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh axit amin “Maple syrup urine”	12	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 139-147	9/2012
73	Kiểu hình và kết quả điều trị bệnh rối loạn	08		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 194-198	9/2012

	chuyển hóa axit hữu cơ propionic máu			ISSN: 1859-1868				
74	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng Prader Willi	10		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 289-295	9/2012
75	Rối loạn phát triển giới tính do đột biến gen 3β Hydroxysteroid dehydrogenase typ II	08	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 296-303	9/2012
76	U vô thương thận ở trẻ em: Báo cáo 29 ca bệnh	09	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 325-329	9/2012
77	Đột biến gen <i>HNF1B</i> gây bệnh tiểu đường ở người trưởng thành trẻ tuổi (MODY5): Báo cáo ca bệnh	05	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 390-395.	9/2012
78	Hỗn hợp u quái - ung thư biểu mô có biểu hiện dậy thì sớm: báo cáo 1 trường hợp hiếm gặp	07		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 396-399	9/2012
79	Chàm nặng, kéo dài không đáp ứng với điều trị thông thường có thể là triệu chứng của bệnh thiếu enzyme multiple carboxylase (MCD)	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 400-404	9/2012
80	Nhân một trường hợp đái đường do đột biến gen KIR6.2 điều trị thành công với Glibenclamide thay thế cho insulin	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 397, Số chuyên đề, Trang 405-410	9/2012
81	Tăng sản thượng thận bẩm sinh do thiếu 21-Hydroxylase và u vô thương thận.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 383, Số 2, Trang 21-25	7/2011
82	Đột biến kênh K_{ATP} ở trẻ sơ sinh hạ đường máu nặng do cường insulin bẩm sinh	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 380, Số 2, Trang 13-18	4/2011

83	Phát hiện người mang gen bệnh thoái hóa cơ tủy bằng kỹ thuật Multiplex ligation - dependent probe amplification	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			74 (3), Trang 21-25	6/2011
84	Bệnh Mucopolysaccharidosis IVA: Tương quan giữa kiểu gen và kiểu hình	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			74 (3), Trang 107-112	6/2011
85	Bệnh tăng lipid máu bẩm sinh ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung ương: lâm sàng, xét nghiệm và kết quả điều trị	05		Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 1, Trang 54-60	5/2011
86	Di truyền phân tử trong đái tháo đường sơ sinh tại bệnh viện Nhi Trung ương	09		Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 2, Trang 96-101	5/2011
87	Đột biến kênh K_{ATP} ở bệnh nhân cường insulin bẩm sinh	08	X	Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 2, Trang 141-148	5/2011
88	Kết quả điều trị sulfonyleureas ở bệnh nhân đái đường sơ sinh do đột biến gen <i>KCNJ11</i> và <i>ABCC8</i>	07		Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 2, Trang 224-230	5/2011
89	Đặc điểm lâm sàng, mối tương quan giữa lâm sàng và bất thường nhiễm sắc thể ở hội chứng Turner	06		Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 2, Trang 345-353	5/2011
90	Nhận xét kết quả điều trị hormon nữ và hormon tăng trưởng ở hội chứng Turner	06		Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 2, Trang 354-361	5/2011
91	Đánh giá kết quả điều trị bệnh tạo xương bất toàn bằng biphosphonat tại bệnh viện Nhi Trung ương	05		Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 2, Trang 367-373	5/2011
92	Kiểm soát HbA _{1c} ở trẻ đái tháo đường	07		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 4, số 4, Trang 329-334	11/2011

93	Phát hiện người mang gen bệnh thoái hóa cơ tủy bằng kỹ thuật thuật multiplex ligation-dependent probe	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			74 (3), Trang 21-25	6/2011
94	Nghiên cứu bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne ở Việt Nam, kết quả và triển vọng ứng dụng liệu pháp điều trị gen	06		Kỷ yếu hội nghị sinh học phân tử và hóa sinh y học toàn quốc lần thứ 2. Hà Nội, 18-19/9/2010			Trang 22-32	9/2010
95	Xác định đột biến xóa đoạn gen <i>SMN1</i> gây bệnh thoái hóa cơ tủy	06		Kỷ yếu hội nghị sinh học phân tử và hóa sinh y học toàn quốc lần thứ 2. Hà Nội, 18-19/9/2010			Trang 227-232	9/2010
96	Phân tích đột biến gen <i>GALNS</i> trong chẩn đoán trước sinh bệnh Morquio A	03	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			67 (2) Trang 98-104	4/2010
97	Điều trị bệnh Morquio A bằng enzyme GALNS tái tổ hợp: đánh giá mô bệnh học của thử nghiệm tiền lâm sàng	03	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			67(2), Trang 132-137	4/2010
98	Bệnh Morquio A: tương quan giữa kiểu gen, kiểu hình và marker sinh học	05	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			69(4) Trang 24-33	8/2010
99	Nhận xét lâm sàng và kết quả điều trị ban đầu về nhóm bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh axit hữu cơ	07		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			57 (4), Trang 13-19	10/2008
100	Chẩn đoán và kết quả điều trị bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương 2005-2008	12		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			57 (4), Trang 50-56	10/2008
101	Đặc điểm bệnh tạo xương bất toàn tại Bệnh viện Nhi Trung ương	03		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			57 (4), Trang 247-253	10/2008
102	Bất thường cấu trúc và số lượng nhiễm sắc thể	07		Kỷ yếu Hội nghị khoa học nhi			Trang 372-379	11/2007

	trên các bệnh nhi mắc bệnh di truyền tại Bệnh viện Nhi Trung ương			khoa Việt - Úc lần V. 11/2007				
103	Áp dụng kỹ thuật multiplex PCR thay thế PCR cổ điển trong phân tích gene dystrophin ở các bệnh nhân loạn dưỡng cơ Duchenne	08		Kỷ yếu Hội nghị khoa học nhi khoa Việt - Úc lần V. 11/2007			Trang 380-387	11/2007
104	Các rối loạn chuyển hóa bẩm sinh được phát hiện qua chương trình sàng lọc trẻ có nguy cơ cao	13		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 5-10	11/2006
105	Chẩn đoán các thể bệnh trên những bệnh nhi được chẩn đoán mucopolysaccharidose tại Bệnh viện Nhi Trung ương	05	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 10-14	11/2006
106	Phát hiện bất thường số lượng nhiễm sắc thể trên bệnh nhi mắc bệnh di truyền tại Bệnh viện Nhi Trung ương	07		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 14-19	11/2006
107	Phát hiện đột biến mất đoạn gen <i>SMN-T</i> và gen <i>SMN-C</i> bằng kỹ thuật PCR các bệnh nhân nghi ngờ teo cơ tủy	08		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 19-23	11/2006
108	Nhân một trường hợp được chẩn đoán multiple carboxylase deficiency đầu tiên ở Việt Nam	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 24-29	11/2006
109	Hai ca phenylketouria đầu tiên ở Việt Nam được phát hiện tại Bệnh viện Nhi Trung ương	06		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 29-32	11/2006
110	Nhân một trường hợp cường insuline và tăng amoniac được điều trị khỏi tại Bệnh viện Nhi Trung ương	04		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			44 (4), Trang 33-35	11/2006
111	Đột biến mất đoạn gen dystrophin của các bệnh nhân loạn dưỡng cơ	08		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 14, Số đặc biệt, Trang 202-208	5/2006

	Duchenne/Becker Việt Nam							
112	Chẩn đoán bệnh “Maple Syrup Urine”: bốn ca được phát hiện qua sàng lọc các rối loạn chuyển hóa bẩm sinh	08	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			38 (5), Trang 118-123	11/2005
113	Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm của bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh ở trẻ gái	06		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			35 (2), Trang 99-104	3/2005
114	Chẩn đoán 85 bệnh nhân Việt Nam mắc bệnh Duchenne/Becker bằng phương pháp polymerase chain reaction	09		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 305, Số 12, Trang 33-38	2004
115	Bệnh tạo xương bất toàn do đột biến gen <i>Col1A1</i> ; <i>Col1A2</i> : Nhận xét các trường hợp được chẩn đoán và điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương	03	X	Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			495, Trang 42-51	2004
116	Phát hiện đột biến mất đoạn của gen gây bệnh Von Hippel-Lindau bằng kỹ thuật di truyền tế bào phân tử	05	X	Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			495, Trang 200-211	2004
117	Hội chứng không nhạy cảm Androgen ở trẻ em	03		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			495, Trang 228-230	2004
118	Phân tích và phát hiện 6 trường hợp đột biến gen dystrophin ở 20 bệnh nhân Việt Nam được chẩn đoán Duchenne và Becker	09		Kỷ yếu hội nghị khoa học “Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong sự sống”.10/2004			Trang 279-282	10/2004
119	Đặc điểm các thể lâm sàng bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh trong 10 năm 1992-2001 tại Bệnh viện Nhi Trung ương	04		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			462, Trang 130-133	2003
120	Chẩn đoán bằng di truyền phân tử, mối tương quan giữa lâm	06	X	Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			462, Trang 134-138	2003

	sàng và đột biến mất đoạn ở bệnh nhân loạn dưỡng cơ Duchenne							
121	Các thể lâm sàng, chẩn đoán di truyền phân tử và tương quan giữa kiểu đột biến mất đoạn của gen <i>SMN</i> , <i>NAIP</i> với biểu hiện lâm sàng ở các bệnh nhân thoái hóa cơ tủy	03		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			462, Trang 138-143	2003
122	Ứng dụng kỹ thuật PCR tìm gen <i>DYZ</i> để xác định nhiễm sắc thể Y cho các bệnh nhân chưa rõ giới tính	07		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			462, Trang 165-168	2003
123	Kết quả bước đầu phát hiện đột biến gen gây bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne ở Việt Nam	02		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 10, Số đặc biệt, Trang 521-526	2002
124	Áp dụng kỹ thuật PCR tìm gen <i>TDF</i> và gen <i>Amelogenin</i> để xác định giới tính cho bệnh nhân chưa rõ giới tính và đối chiếu với kết quả nuôi cấy nhiễm sắc thể.	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			18(2), Trang 3-6	6/2002
125	Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh tần phát tại viện nhi 1990-1999	05		Kỷ yếu toàn văn các đề tài khoa học. Nhà xuất bản Y học. 11/2001			Trang 19-25	11/2001
126	Triệu chứng và chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne trong điều kiện Việt Nam	03	X	Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			350, Trang 160-164	1998
127	Bệnh di truyền và dị tật bẩm sinh trong 6 năm (1991-1996) tại viện bảo vệ sức khỏe trẻ em	02		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			Kỷ yếu hội nghị khoa học, Trang 145-153	1997
128	Khả năng phát hiện người lành mang gen bệnh cho mẹ và chị em gái của bệnh nhân teo cơ giả phì đại Duchenne	03		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			Kỷ yếu hội nghị khoa học, Trang 154-159	1997

Đã đăng trên Công báo của Viện Y học và Sức khỏe Cộng đồng, số 32/11/2021 ngày 20/3/2021 của Ủy ban Y học và Sức khỏe Cộng đồng

129	Hình ảnh điện cơ đồ (EMG) ở các bệnh nhi có biểu hiện teo cơ giả phì đại	02		Công trình khoa học thần kinh 1956-1996			Trang 221-226	11/1996
130	Nguyên nhân đái máu đại thể ở trẻ em	04		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 3, số 4, Trang 164-168	1994
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
Các bài báo Quốc tế								
131	Diagnosis of mucopolysaccharidoses and mucolipidosis by assaying multiplex enzymes and glycosaminoglycans	15	X	Diagnostics ISSN: 2075-4418	IF: 3,706; Q2, SCIE (Medicine, General & Internal)		11(8):1347	7/2021
132	Dentinogenesis Imperfecta and Caries in Osteogenesis Imperfecta among Vietnamese Children	07	X	Dent J (Basel) ISSN: 2304-6767	CiteScore 2,2 scopus, Q2, SCIE		9(5):49	4/2021
133	A novel nonsense mutation c.374C>G in CYP21A2 gene of a Vietnamese patient with congenital adrenal hyperplasia	07	X	Adv Exp Med Biol ISSN: 0065-2598, 2214-8019	IF: 2,45; Q2, SCIE		1292:27-35	2020
134	Novel variants of CYP21A2 in Vietnamese patients with congenital adrenal hyperplasia	13	X	Mol Genet Genomic Med ISSN:2324-9269	IF: 2,183; Q3, SCIE	5	7(5):e623	5/2019
135	Whole exome sequencing as a diagnostic tool for unidentified muscular dystrophy in a Vietnamese family	05	X	Diagnostics (Basel) ISSN: 2075-4418	IF: 3,706; Q2, SCIE (Medicine, General & Internal)		10(10):741	9/2020
136	Identification of novel mutations in BCKDHB and DBT genes in Vietnamese patients with maple sirup urine disease	06	X	Mol Genet Genomic Med ISSN:2324-9269	IF: 2,183; Q3, SCIE		8(8):e1337	8/2020

137	The benefits and challenges of family genetic testing in rare genetic diseases-lessons from Fabry disease	19		Mol Genet Genomic Med ISSN:2324-9269	IF: 2,183; Q3, SCIE	02	9;e1666	5/2021
138	Identification of three novel mutations in <i>PCNT</i> in vietnamese patients with microcephalic osteodysplastic primordial dwarfism type II	06		Genes Genomics ISSN: 19769571, 20929293	IF: 1,839 (2020); Q3, SCIE		43(2):115-121	2/2021
139	A novel frameshift <i>PHKA2</i> mutation in a family with glycogen storage disease type IXa: a first report in Vietnam and review of literature	05		Clin Chim Acta ISSN: 00098981, 18733492	IF: 3,786; Q2, SCIE	03	508:9-15	9/2020
140	Late-onset ornithine transcarbamylase deficiency and variable phenotypes in Vietnamese females with <i>OTC</i> mutations	05		Front Pediatr ISSN: 2296-2360	IF: 3,418; Q1, SCIE		8:321	7/2020
141	<i>De novo</i> mutations in <i>EIF2B1</i> affecting eIF2 signalling cause neonatal diabetes and transient elevated liver enzymes	14		Diabetes ISSN: 0012-1797, 1939-327X	IF: 7,72; Q1, SCIE	12	69(3):477-483	3/2020
142	Validation of liquid chromatography tandem mass spectrometry-based 5-plex assay for mucopolysaccharidoses	15		Int J Mol Sci ISSN: 14220067, 16616596	IF: 6,132 (2020) Q1, SCIE		21(6):2025	3/2020
143	De novo <i>NIPBL</i> mutations in Vietnamese patients with Cornelia de Lange syndrome	06		Medicina (Kaunas) ISSN: 1010660X, 16489144	IF: 2,430; Q2, SCIE (General Medicine)		56(2):76	2/2020
144	Acromesomelic dysplasia Maroteaux-type in patients from Vietnam	10		Am J Med Genet A ISSN: 15524825, 15524833	IF: 2,146 (2019); Q2, SCIE	06	179(8):1420-1422	8/2019

145	Assessment of 6 <i>STR</i> loci for prenatal diagnosis of Duchenne Muscular Dystrophy	11		Taiwan J Obstet Gynecol ISSN: 1028-4559	IF: 1,557 (2019) 1,705; Q3, SCIE	02	58(5):645-649	9/2019
146	Aplication of the method of continuous venovenous hemofiltration in treatment of acute crisis with organic acidurias	07		Acta Scientific Paediatrics ISSN: 2581-883X	IF: 0,695 (2019-2020)		2.1 (2019): 08-11.	1/2019
147	Human sex reversal is caused by duplication or deletion of core enhancers upstream of <i>SOX9</i>	18		Nat Commun ISSN 2041-1723 (online)	IF: 14.919 (2020); 11,874 (2018); Q1, SCIE	57	9(1):5319	12/2018
148	Autosomal recessive Noonan syndrome associated with biallelic <i>LZTR1</i> variants	37		Genet Med ISSN: 1098-3600, 1530-0366	IF: 10,435 (5 years, 2019). 8,683 (2018); Q1, SCIE	73	20(10):1175-1185	10/2018
149	Maternal variants in <i>NLRP</i> and other maternal effect proteins are associated with multilocus imprinting disturbance in offspring	30		J Med Genet ISSN: 00222593, 14686244	IF: 5,899 (2018); Q1, SCIE	60	55(7):497-504	7/2018
150	Diversity in the incidence and spectrum of organic acidemias, fatty acid oxidation disorders, and amino acid disorders in Asian countries: symptomatic screening vs. expanded newborn screening	18		Mol Genet Metab Rep ISSN: 22144269	IF: 1,55 (2018); Q3, SCIE	51	16:5-10	5/2018
151	11 β -Hydroxylase deficiency detected by urine steroid metabolome profiling using gas chromatography-mass spectrometry	08		Clinical Mass Spectrometry ISSN: 2376-9998	IF: 1,26 (2018); 1,71 (2020); Q3	01	7(2018): 1–5	1/2018

152	A Report on ten Asian countries on current status and future directions of the genetic counseling profession: the establishment of the professional society of Genetic Counselors in Asia	22		J Genet Couns ISSN: 10597700, 15733599	IF: 2,537; Q3, SCIE	17	27(1):21-32	2/2018
153	Hematopoietic stem cell transplantation for patients with Mucopolysaccharidosis II.	19		Biol Blood Marrow Transplant ISSN: 10838791, 15236536	IF: 4,602 (2017); Q1	54	23(10):1795-1803	10/2017
154	An <i>ABCC8</i> nonsense mutation causing neonatal diabetes through altered transcript expression	09		J Clin Res Pediatr Endocrinol ISSN:1308-5727, 1308-5735	IF: 1,093 (2017) Four years IF: 1,904; Q2, SCIE	06	9(3):260-264	9/2017
Các bài báo trong nước								
155	Giải trình tự toàn bộ vùng gen biểu hiện phát hiện đột biến gen <i>CYBB</i> gây u hạt mạn tính	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			138(2): trang 19-27	3/2021
156	Kiểu gen và kiểu hình của tăng cholesterol máu tiên phát ở trẻ em	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			138 (2): trang 37-41	3/2021
157	Kiểu gen và kiểu hình của một số ca bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể tích tụ lipid	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			138(2): trang 42-48	3/2021
158	Đột biến dị hợp tử trội c.991T>C của gen <i>KCNJ11</i> gây các kiểu hình khác nhau của đái tháo đường	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			138(2): trang 49-54	3/2021
159	Đặc điểm lâm sàng, hóa sinh và một số nguyên nhân hạ canxi máu nặng ở trẻ bú mẹ	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			140(4). Trang 8-13	5/2021
160	Tần suất và nguyên nhân tái nhập viện của bệnh nhân Pome điều trị enzyme thay thế tại	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học			140(4). Trang 14-19	5/2021

	bệnh viện Nhi Trung ương từ 2015- 2020			ISSN: 2354-080X				
161	Kết quả điều trị bệnh Pompe thể xuất hiện ở trẻ nhỏ tại bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			140(4). Trang 20-25	5/2021
162	Suy giáp do viêm tuyến giáp Hashimoto ở trẻ em	02	X	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			140(4). Trang 26-31	5/2021
163	Đánh giá mối tương quan giữa kiểu gen và kiểu hình bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu enzym 21-hydroxylase	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 501, Số 1, Trang 156-159	4/2021
164	Cường giáp do viêm tuyến giáp hashimoto ở trẻ em	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 500, Số 1, Trang 51-54	3/2021
165	Kiểu gen và kiểu hình của tăng triglyceride máu tiên phát ở trẻ em	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 500, Số 1, Trang 129-132	3/2021
166	Sốc tim do hạ canxi máu nặng ở trẻ bú mẹ	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 500, Số 1, Trang 149-152	3/2021
167	Một số yếu tố liên quan đến khởi phát, mức độ nặng và kết quả điều trị nhiễm toan ceton do đái tháo đường typ 1 ở trẻ em và vị thành niên	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 500, Số 1, Trang 199-203	3/2021
168	Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị hormone tái tổ hợp ở trẻ thiếu hụt hormone tăng trưởng	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 499, Số 1-2, Trang 44 – 47	2/2021
169	Hội chứng chuyển hoá ở bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thiếu 21- α hydroxylase	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 499, Số 1-2, Trang 84 – 88	2/2021

170	Đặc điểm lâm sàng và phân loại bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 499, Số 1-2, Trang 137 – 140	2/2021
171	Hiệu quả của điều trị lâu dài bằng hormon tái tổ hợp ở trẻ thiếu hụt hormone tăng trưởng	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 499, Số 1-2, Trang 145 – 148	2/2021
172	Kiểu gen và kiểu hình của bệnh Pompe thể xuất hiện ở trẻ nhỏ tại Bệnh viện nhi Trung Ương	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 498, Số 2, Trang 164-168	1/2021
173	Các kháng thể kháng tiêu đảo tụy ở trẻ em đái đường mới được chẩn đoán	02	X	Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 42, Trang 80-86	11/2020
174	Hội chứng cushing do u vỏ thượng thận ở trẻ em	02	X	Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 42 Trang 87-93	11/2020
175	Chất lượng cuộc sống liên quan sức khỏe của trẻ tăng sản thượng thận bẩm sinh sử dụng thanh đo PedsQL™4.0	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 492, Số 1-2, Trang 250-254	7/2020
176	Identification of p.His119Leu mutation in G6PC gene of a Vietnamese patient with glycogen storage disease type 1a. Academia journal of biology	05		Academia journal of biology Tạp chí Sinh học ISSN 2615-9023			42(2): 93–100	6/2020
177	Hereditary characteristics off the S339L mutation in a patient with maple syrup urine disease in Vietnam	05		Academia journal of biology Tạp chí Sinh học ISSN 2615-9023			42(2): 101–107	6/2020
178	Phân loại thể bệnh lâm sàng bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase ở bệnh nhi	05	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			62(2), Trang 10-13	2/2020

	điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung Ương							
179	Sàng lọc rối loạn chuyển hóa bẩm sinh bằng phương pháp khối phổ đôi	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			126 (2), Trang 59-66	5/2020
180	Đột biến đồng hợp tử p.C222R gen <i>LDLR</i> trong phả hệ bệnh nhân tăng cholesterol máu có tính chất gia đình	05		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			125 (1) Trang 1-7	3/2020
181	Phát hiện đột biến gen <i>AR</i> trên bệnh nhân mắc hội chứng không nhạy cảm Androgen tại bệnh viện Nhi Trung ương	13		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 13-20	12/2020
182	X-link Adrenoleukodystrophy – chẩn đoán cần thiết ở trẻ suy thượng thận	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 91-97	12/2020
183	Đặc điểm kiểu hình và di truyền phân tử của bệnh nhân đái tháo đường sơ sinh tại bệnh viện Nhi Trung ương	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 141-148	12/2020
184	Hội chứng IPEX lần đầu được chẩn đoán và điều trị tại Việt Nam	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 149-157	12/2020
185	Kiểu gen và kiểu hình của bệnh nhân đái nhạt do thận	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 158-164	12/2020
186	Kiểu hình và kết quả điều trị bệnh acid propionic niệu thể muộn	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 185-191	12/2020
187	Di truyền phân tử trong tăng lipid máu tiên phát tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số chuyên đề, Trang 192-197	12/2020
188	Còi xương phụ thuộc Vitamin D typ 1A do đột biến gen <i>CYP27B1</i>	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 497, Số chuyên đề,	12/2020

				ISSN: 1859-1868			Trang 211-217.	
189	Đột biến mới gen <i>LDLR</i> ở bệnh nhân tăng cholesterol máu có tính chất gia đình	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 496, Số chuyên đề, Trang 46-52	11/2020
190	Đặc điểm chuyển hóa ở bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thiếu 21- α hydroxylase	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 496, Số 1, Trang 85-89	11/2020
191	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng đái tháo đường typ 1 ở trẻ em và vị thành niên	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 496, Số 1, Trang 145-148	11/2020
192	Áp dụng kỹ thuật khuếch đại đa đầu dò đặc hiệu Methyl hóa (MS-MLPA) trong chẩn đoán hội chứng Prader-Willi	08		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			122(6), Trang 49-56	11/2019
193	Đột biến dị hợp tử kép gen <i>LDLR</i> trong phả hệ bệnh nhân tăng cholesterol máu có tính chất gia đình	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 484, Số 1, Trang 9-13	11/2019
194	Xác định đột biến trên một số exon trọng điểm gen <i>LDLR</i> ở bệnh nhân tăng cholesterol máu có tính chất gia đình	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 484, Số 1, Trang 35-38	11/2019
195	Một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng bệnh đái tháo đường trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	04		Tạp chí điều dưỡng Việt Nam ISSN: 2354-0737			Số 26, Trang 22-27	2019
196	Đánh giá thực trạng triển khai các bước của chương trình sàng lọc sơ sinh ở người bệnh được chẩn đoán suy giáp tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	06		Tạp chí điều dưỡng Việt Nam ISSN: 2354-0737			Số 26, Trang 39-43	2019
197	Nghiên cứu tần suất và nguyên nhân tái nhập viện của nhóm bệnh nhân Pompe đang điều	05		Tạp chí điều dưỡng Việt Nam ISSN: 2354-0737			Số 26, Trang 49-53	2019

	trị enzyme thay thế tại Bệnh viện Nhi Trung ương giai đoạn 2015-2018							
198	Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan ở trẻ béo phì từ 6 đến 8 tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2018-2019	05		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			9 (1108) Trang 19-22	2019
199	Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan ở trẻ 6-8 tuổi có chỉ số khối cơ thể BMI bình thường tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2019	05		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			8 (1106) Trang 155-158	8/2019
200	Khoảng tham chiếu của các acid amin, acylcarnitin bằng phương pháp khối phổ đôi sử dụng cho sàng lọc sơ sinh	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 482, Số chuyên đề, Trang 54-59	9/2019
201	Đặc điểm răng miệng ở bệnh nhân Mucopolysaccharidosis typ I	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 481, Số 2, Trang 53-57	8/2019
202	Hội chứng Jarcho-Levin với túi Meckel khổng lồ thoát vị trong ngực phải ở trẻ sơ sinh	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 481, Số 2, Trang 99-101	8/2019
203	Kết quả điều trị hormon tăng trưởng tái tổ hợp ở bệnh nhân thiếu hụt hormon tăng trưởng	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 481, Số 1, Trang 38-41	8/2019
204	Tỷ lệ sinh nga bất toàn ở bệnh nhân tạo xương bất toàn	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 481, Số 1, Trang 85-88	8/2019
205	Kết quả điều trị và một số yếu tố liên quan ở trẻ tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	06		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 481, Số 1, Trang 88-92	8/2019

206	Nghiên cứu kiểu hình, kiểu gen và kết quả điều trị bệnh maple syrup urine disease thể trung gian tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 477, Số 1, Trang 130-133	4/2019
207	Áp dụng kỹ thuật giải trình tự gen phát hiện đột biến điểm gen <i>CYP21A2</i> gây bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	05		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			119 (3), Trang 1-7	4/2019
208	Kiểu hình, kiểu gen và kết quả điều trị bệnh maple syrup urine disease tại Bệnh viện Nhi Trung ương: 14 năm kinh nghiệm	02		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			119 (3), Trang 15-22	4/2019
209	Áp dụng kỹ thuật MLPA trong phát hiện đột biến xóa đoạn gen <i>CYP21A2</i> gây bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	07		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			117(1), Trang 1-7	2/2019
210	Xác định đột biến gen <i>CYP21A2</i> trên bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thiếu 21-hydroxylase thể mất muối	05	X	Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			117(1), Trang 39-44	2/2019
211	Hiệu quả của phương pháp lọc máu liên tục điều trị đợt cấp mất bù rối loạn chuyển hóa axit hữu cơ	06		Tạp chí y-dược học quân sự ISSN: 18590748			Tập 43, Số 6, Trang 68-73	8/2018
212	Triệu chứng lâm sàng và phân tích gen một số ca bệnh mucopolysaccharidosis typ 1	04		Tạp chí y-dược học quân sự ISSN: 18590748			Tập 43, Số 6, Trang 85-93	8/2018
213	Đặc điểm kiểu gen <i>CYP21A2</i> của gia đình bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-	05		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			115 (6), 45-52	2018

	Hydroxylase thể mất muối nặng							
214	Đánh giá mối tương quan giữa đột biến gen <i>CYP21A2</i> và đặc điểm cận lâm sàng của bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21- Hydroxylase	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 470, Số chuyên đề, Trang 82-88	9/2018
215	Xác định đột biến gen <i>CYP21A2</i> ở bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-Hydroxylase	06		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 468, Số 2, Trang 36-40	7/2018
216	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của một số bệnh nhân Mucopolysaccharidose typ I, II, IV, VI	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			472, trang 197 – 203	11/2018
217	Ứng dụng nghiệm pháp kích thích glucagon trong chẩn đoán thiếu hụt hormon tăng trưởng ở trẻ thấp lùn	09		Tạp chí nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727			Số 32, trang 209-213	2018
218	Betaketothiolase deficiency: phenotype, genotype and outcome of 48 Vietnamese patients	02	X	Journal of Pediatrics. Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			11(6), Trang 46-54	12/2018
219	Genotype, phenotype and outcome of Vietnamese patients with neonatal diabetes mellitus due to <i>KCNJ11/ABCC8</i> mutations	02	X	Journal of Pediatrics. Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			11(6), Trang 55-63	12/2018
220	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh acid propionic ở giai đoạn sơ sinh	05		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			1080 – số 9, Trang 40-43	9/2018
221	Kết quả điều trị bệnh còi xương kháng Vitamin D ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	06		Tạp chí Nhi khoa ISSN: 1859-3860			Tập 10, Số 5, Trang 60-64	10/2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

222	Ứng dụng kỹ thuật định lượng steroid niệu bằng phương pháp sắc ký – khối phổ trong chẩn đoán tăng sản thượng thận bẩm sinh	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 458, Số đặc biệt, Trang 75-84	9/2017
223	Dậy thì sớm do Harmoroma vùng dưới đồi: Báo cáo 16 bệnh nhân	04		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập 108, Số 3, Trang 66-73	9/2017
224	Nguyên nhân của 451 bệnh nhân dậy thì sớm trung ương tại Bệnh viện Nhi Trung ương	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 457, Số 2, Trang 203-207	8/2017
225	Kết quả điều trị dậy thì sớm trung ương vô căn ở trẻ gái bằng triptorelin tại Bệnh viện Nhi Trung ương	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 458, Số 1, Trang 234-238	9/2017

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U'V là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 06 (các bài theo thứ tự trong danh sách: 131; 132; 133; 134; 135 và 136).

+ *Diagnosis of mucopolysaccharidoses and mucopolipidosis by assaying multiplex enzymes and glycosaminoglycans.*

+ *Dentinogenesis imperfecta and caries in osteogenesis imperfecta among Vietnamese children.*

+ *A novel nonsense mutation c.374C>G in CYP21A2 gene of a Vietnamese patient with congenital adrenal hyperplasia.*

+ *Novel variants of CYP21A2 in Vietnamese patients with congenital adrenal hyperplasia.*

+ *Whole exome sequencing as a diagnostic tool for unidentified muscular dystrophy in a Vietnamese family.*

+ *Identification of novel mutations in BCKDHB and DBT genes in Vietnamese patients with maple sirup urine disease.*

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

2							
---	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Vũ Chí Dũng